

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **42/2019/HNGĐ-ST**
Ngày 11-7-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về con
chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Hạ;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trịnh Thúy Cơ;

2. Ông Trần Hữu Thiện.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Hoa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Nhã, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 291/2019/TLST-HNGĐ ngày 21-5-2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19-6-2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **H**, sinh năm 1989; nơi cư trú: Tổ 14, ấp T, xã M, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **B**, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ 14, ấp T, xã M, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh B chung sống với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND phường 4, thành phố A, tỉnh Tây Ninh. Quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh B thường xuyên uống rượu, đập phá đồ đạc trong nhà và hăm dọa đánh chị nhiều lần nên vào ngày 14-8-2018 chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột tại huyện C, tỉnh Tây Ninh sinh sống cho đến nay. Chị và anh B không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không ai còn quan tâm chăm sóc cho ai, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn với anh B.

- Về con chung: Có 03 (ba) con chung:

D, sinh ngày 11-11-2009;

R, sinh ngày 04-01-2014;

C, sinh ngày 13-3-2015.

Hiện cháu R đang sống với chị; còn cháu D và C thì sống với anh B. Nay, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung D, R; còn anh B nuôi con chung C. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh B trình bày:

Thừa nhận lời khai của chị H về quan hệ hôn nhân là đúng. Anh và chị H trong thời gian chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do thỉnh thoảng anh có uống rượu, do hoàn cảnh khó khăn nên hai bên cũng thường phát sinh mâu thuẫn về kinh tế. Vào ngày 14-8-2018 chị H tự ý bỏ nhà đi cho đến nay, để lại cho anh nuôi hai con chung là D, C. Khi chị H bỏ đi anh phải đi làm trả nợ chung của vợ chồng hơn 20.000.000 đồng. Khi bỏ đi chị H không nói lý do cho anh biết; sau khi chị H bỏ đi một thời gian anh mới biết chị H về nhà cha mẹ ruột tại xã M, huyện C, tỉnh Tây Ninh sinh sống, anh có yêu cầu đoàn tụ nhưng chị H không đồng ý. Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh còn thương yêu vợ con nên không đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Có 03 (ba) con chung như chị H trình bày là đúng. Chị H thiếu trách nhiệm với con, tự ý bỏ nhà đi khi cháu D, cháu C còn nhỏ tuổi. Do đó, trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H thì anh chỉ đồng ý việc chị H trực tiếp nuôi con chung R; còn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung D, C. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H. Về con chung: Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị H, anh B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND phường 4, thành phố M, tỉnh Tây Ninh. Chị H cho rằng, quá trình hai bên chung sống thường xảy ra mâu thuẫn do anh B thường xuyên uống rượu, đánh vợ con; giữa hai bên tính cách và quan điểm

sống không hợp nhau; hai bên không còn chung sống từ 8/2018 cho đến nay. Anh B thừa nhận anh có uống rượu nhưng chỉ mức độ giao tiếp bạn bè trong công việc, không quậy phá hay đánh vợ con như chị H trình bày. Hai bên không có mâu thuẫn gì nhiều, nhưng vào ngày 14-8-2019 chị H tự ý bỏ đi về nhà cha mẹ ruột để lại cho anh trực tiếp nuôi hai con chung D, C; chị H không nói với anh lý do bỏ đi, anh xác định còn yêu thương vợ con nên xin đoàn tụ.

Thấy rằng, chị H khai anh B có nhiều tật xấu như thường xuyên uống rượu, không kiểm soát được bản thân nên thường xuyên đập phá đồ đạc, chửi, đánh chị làm cho mẹ con chị sợ hãi nên chị phải bỏ nhà đi, nhưng khi chị bỏ đi lại để cho một mình anh B chăm lo cho hai con chung còn nhỏ cho đến nay, đồng thời anh B cũng phải trả nợ chung khoảng 20.000.000 đồng của vợ chồng. Tại phiên tòa, chị cũng thừa nhận trong thời gian chị bỏ đi anh B nuôi con tốt, không còn uống rượu nhiều nữa. Hơn nữa, việc chị H bỏ đi nhưng không nói rõ lý do với anh B, không tìm cách giải quyết mâu thuẫn vợ chồng là không phù hợp. Qua xác minh tại địa phương, anh B là người hiền lành, lo làm ăn, không quậy phá gì tại địa phương.

Nay, anh B xác định còn yêu thương chị H và các con, xin đoàn tụ; anh đã khắc phục được các nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H, anh B chưa gay gắt, đời sống chung vẫn còn khả năng hàn gắn; do đó không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[2] Về con chung: Có 03 (ba) con chung:

D, sinh ngày 11-11-2009;

R, sinh ngày 04-01-2014;

C, sinh ngày 13-3-2015.

Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H nên không đặt ra giải quyết về con chung.

[3] Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Theo Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Anh B không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh B.

1.1. Về con chung: Có 03 (ba) con chung:

D, sinh ngày 11-11-2009;

R, sinh ngày 04-01-2014;

C, sinh ngày 13-3-2015.

Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H nên không đặt ra giải quyết.

1.2. Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

2.1. Chị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011737 ngày 17-5-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh (đã nộp xong).

2.2. Anh B không phải chịu.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11-7-2019), các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND Huyện D,
- Chi cục THA H.D,
- UBND xã;
- Các đương sự.
- Lưu: Tập án, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

TẠ THỊ HẠ